

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 28/2009/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2009

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ TRÊN INTERNET

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;
Căn cứ Luật Xuất bản ngày 14 tháng 12 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất bản ngày 03 tháng 6 năm 2008;
Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;
Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008;
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin điện tử trên Internet.
2. Vi phạm hành chính trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet (sau đây gọi tắt là vi phạm hành chính về Internet) là hành vi cố ý hoặc vô ý của cá nhân, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong hoạt động quản

lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

3. Các hành vi vi phạm hành chính trong việc cung cấp hoặc sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet được áp dụng theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam có hành vi vi phạm hành chính về Internet thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính về Internet trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bị xử phạt hành chính như tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Người chưa thành niên có hành vi vi phạm hành chính về Internet bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.

Điều 3. Nguyên tắc xử phạt

Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về Internet được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 4. Thời hiệu xử phạt

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về Internet là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Đối với hành vi vi phạm quy định về giá cước, phí, lệ phí thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là hai năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

2. Đối với cá nhân bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa vụ án vi phạm về Internet ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính thì bị xử phạt vi phạm hành chính; trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người đã ra quyết định phải gửi quyết định cho người có thẩm quyền xử phạt; trong trường hợp này, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ ngày người có thẩm quyền xử phạt nhận được quyết định đình chỉ và hồ sơ vụ vi phạm.

3. Quá thời hạn nêu tại các khoản 1 và 2 Điều này thì không xử phạt nhưng vẫn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

4. Trong thời hạn được quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu tổ chức, cá nhân thực hiện vi phạm hành chính mới trong cùng lĩnh vực trước đây đã vi phạm hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính kể từ thời điểm thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 5. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính về Internet và các biện pháp khắc phục hậu quả.

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn các loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện liên quan tới vi phạm hành chính về Internet;

c) Buộc tiêu hủy vật phẩm hoặc xóa bỏ nội dung thông tin điện tử trên Internet có nội dung độc hại, gây hại cho tinh thần, sức khỏe con người, ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục;

d) Buộc thu hồi hoặc buộc hoàn trả kinh phí thu sai hoặc thu hồi tang vật, phương tiện đã bị tẩu tán;

đ) Buộc thu hồi tên miền, địa chỉ Internet, số hiệu mạng.

4. Người nước ngoài vi phạm hành chính còn có thể bị xử phạt trực xuất. Trục xuất được áp dụng là hình thức xử phạt chính hoặc xử phạt bổ sung trong từng trường hợp cụ thể.

Chương 2.

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC VÀ MỨC XỬ PHẠT

Điều 6. Vi phạm các quy định về giấy phép

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không làm thủ tục xin cấp lại khi một trong các giấy phép sau bị mất hoặc bị hư hỏng:

- a) Giấy phép cung cấp dịch vụ Internet;
- b) Giấy phép thiết lập mạng Internet dùng riêng;
- c) Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;
- d) Giấy phép xuất bản báo điện tử.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng quá hạn đến 30 ngày đối với một trong các giấy phép được nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung giấy phép hoặc kê khai thông tin không trung thực để được cấp một trong các giấy phép được nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày đối với mạng Internet dùng riêng phải cấp phép.

6. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp dịch vụ Internet cho công cộng không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép cung cấp dịch vụ Internet trên 30 ngày;
- b) Xuất bản báo điện tử không có giấy phép hoặc sử dụng quá hạn giấy phép trên 30 ngày.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép không thời hạn đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 7. Vi phạm các quy định về thiết lập mạng Internet dùng riêng

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng các quy định trong giấy phép thiết lập mạng đối với mạng Internet dùng riêng phải cấp phép;

b) Cung cấp dịch vụ Internet cho các tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của mạng Internet dùng riêng.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không dừng cung cấp dịch vụ Internet cho thành viên của mạng Internet dùng riêng khi phát hiện thành viên đó vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet hoặc theo văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Thiết lập trạm trung chuyển Internet đối với mạng Internet dùng riêng không phải cấp phép.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kết nối trực tiếp các mạng Internet dùng riêng;

b) Trạm trung chuyển Internet kết nối trực tiếp cho 2 mạng Internet dùng riêng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ Internet

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Ngừng hoặc tạm ngừng cung cấp dịch vụ Internet mà không thông báo cho người sử dụng dịch vụ biết trước, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Từ chối cung cấp dịch vụ Internet khi không có lý do chính đáng;
- c) Phân biệt đối xử giữa các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi cung cấp đường truyền dẫn viễn thông hoặc phân tách mạch vòng nội hạt.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không cung cấp đường truyền dẫn viễn thông hoặc không phân tách mạch vòng nội hạt cho các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet khi được yêu cầu mà không có lý do chính đáng;
- b) Không ban hành hợp đồng mẫu để thực hiện thống nhất trong toàn doanh nghiệp;
- c) Không chấm dứt cung cấp dịch vụ Internet khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- d) Không có Website sử dụng tên miền quốc gia “.vn” để giao dịch với khách hàng khi cung cấp dịch vụ điện thoại Internet.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không thiết lập đường truyền dẫn kết nối đến trạm trung chuyển Internet quốc gia đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đồng thời là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng mạng;
- b) Làm đại lý dịch vụ điện thoại Internet cho doanh nghiệp nước ngoài;
- c) Thông báo không đúng quy định thời điểm bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ và kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Thiết lập hệ thống thiết bị để cung cấp các dịch vụ Internet cho công cộng không đúng theo quy định của giấy phép;

b) Thực hiện trung chuyển lưu lượng Internet quốc tế khi chưa được phép của Bộ Thông tin và Truyền thông;

c) Ngăn chặn các thông tin trong nước đi vào, ra mạng của mình qua Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) trừ các dịch vụ bị cấm theo quy định;

d) Cung cấp các loại hình dịch vụ điện thoại Internet không đúng theo quy định;

đ) Cung cấp dịch vụ điện thoại Internet mà không có hệ thống tính cước hoặc hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu khách hàng hoặc hệ thống quản lý dịch vụ đặt tại Việt Nam;

e) Không thông báo thời điểm bắt đầu chính thức cung cấp dịch vụ và kế hoạch triển khai cung cấp dịch vụ cho Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm các quy định về sử dụng dịch vụ Internet

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng hoặc hướng dẫn người khác sử dụng các dịch vụ Internet bị cấm theo quy định của pháp luật;

b) Người sử dụng dịch vụ kinh doanh lại các dịch vụ Internet.

2. Các hành vi bị nghiêm cấm trong Nghị định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet thì bị xử phạt theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Vi phạm các quy định về đại lý Internet

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không niêm yết hoặc niêm yết không đầy đủ nội quy sử dụng dịch vụ Internet tại địa điểm cung cấp dịch vụ theo quy định.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Không bảo đảm các quy định, tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy; vệ sinh môi trường nhằm bảo vệ an toàn và sức khỏe cho người sử dụng dịch vụ;
 - b) Hệ thống thiết bị Internet không đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo quy định;
 - c) Thiết lập hệ thống thiết bị Internet ngoài địa điểm đã đăng ký trong hợp đồng để làm đại lý Internet;
 - d) Để khách hàng sử dụng dịch vụ ngoài giờ quy định.
3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Để người sử dụng dịch vụ vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.
 - b) Không ký hợp đồng đại lý đối với tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ Internet cho người sử dụng không thu cước.

Điều 11. Vi phạm các quy định về sử dụng tên miền Internet

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng tên miền cấp cao khác tên miền “.vn” mà không thông báo hoặc thông báo thông tin không chính xác hoặc thay đổi thông tin mà không thông báo Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định; khai báo thông tin không chính xác hoặc không cập nhật khi có thay đổi thông tin về tên, địa chỉ liên hệ đối với tổ chức hoặc tên, địa chỉ liên hệ, số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu đối với cá nhân đăng ký, sử dụng tên miền “.vn”.
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
 - a) Trang thông tin điện tử chính thức của các cơ quan Đảng, Nhà nước trừ các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài không sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hoặc không lưu trữ trong các máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam.
 - b) Cấp tên miền cấp 3 dưới tên miền cấp 2 “.vn” cho các đối tượng không phải là thành viên của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mình khi chưa là Nhà đăng ký tên

miền “.vn”; cá nhân cấp tên miền cấp 3 dưới tên miền cấp 2 của mình cho các tổ chức, cá nhân khác.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tên miền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm các quy định về đăng ký, cung cấp tên miền Internet

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam không hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền quốc tế thực hiện việc thông báo trên môi trường mạng với Bộ Thông tin và Truyền thông các thông tin theo quy định;

b) Ngăn cản trái phép tổ chức, cá nhân chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền “.vn”;

c) Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam không báo cáo việc cập nhật danh sách tên miền quốc tế mà mình đang quản lý với Bộ Thông tin và Truyền thông qua môi trường mạng theo đúng quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với Nhà đăng ký tên miền “.vn” vi phạm một trong các hành vi sau:

a) Không duy trì hoặc không thiết lập các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh đối với các tên miền của tổ chức, cá nhân đã đăng ký trên hệ thống máy chủ tên miền (DNS) của mình;

b) Đăng ký giữ chỗ hoặc đầu cơ tên miền dưới mọi hình thức khi cung cấp tên miền quốc gia “.vn”;

c) Cản trở tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền hợp pháp;

d) Không cung cấp hoặc cung cấp thông tin không chính xác về tổ chức, cá nhân đăng ký tên miền “.vn”

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không đăng ký hoạt động với Bộ Thông tin và Truyền thông khi làm đại lý cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam;

b) Không phối hợp hoặc phối hợp không đầy đủ với cơ quan quản lý nhà nước trong việc xử lý các vụ việc liên quan đến tên miền.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp tên miền quốc tế mà không đáp ứng một trong các điều kiện để trở thành Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

Điều 13. Vi phạm các quy định về đăng ký, sử dụng địa chỉ IP và số hiệu mạng.

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Vi phạm các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông về đăng ký, sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng;
- b) Xin cấp địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế để sử dụng tại Việt Nam mà không được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép bằng văn bản;
- c) Không thực hiện định tuyến các vùng địa chỉ do Việt Nam cấp theo hướng dẫn của Trung tâm Internet Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi định tuyến cho các vùng địa chỉ IP quốc tế do các cơ quan, tổ chức, cá nhân mang từ nước ngoài về Việt Nam sử dụng mà không được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này.

Điều 14. Vi phạm các quy định an toàn, an ninh thông tin.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không ngừng cung cấp dịch vụ khi thiết bị truy nhập đầu cuối gây mất an toàn cho hệ thống thiết bị Internet;
- b) Phổ biến mật khẩu hoặc khóa mật mã hoặc thông tin riêng của tổ chức, cá nhân bị đánh cắp.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- a) Không phối hợp hoặc phối hợp không đầy đủ với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và điều tra, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động Internet;

b) Không triển khai hoặc triển khai không đầy đủ các trang thiết bị và phương án kỹ thuật, nghiệp vụ bảo đảm an toàn mạng lưới và an ninh thông tin theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp hoặc các nhiệm vụ công ích do cơ quan nhà nước có thẩm quyền huy động.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Trục xuất người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 15. Vi phạm các quy định về giá cước, phí, lệ phí

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo giá cước theo quy định;

b) Không đăng ký giá cước theo quy định;

c) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet không hạch toán riêng dịch vụ Internet;

d) Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet không xác định giá thành dịch vụ Internet theo quy định.

đ) Thu cước dịch vụ Internet không đúng với mức giá cước đã công bố.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành giá cước dịch vụ Internet.

3. Đối với các hành vi vi phạm về giá cước, phí, lệ phí trong hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet được áp dụng theo các Nghị định của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và lĩnh vực phí, lệ phí.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi số tiền đã thu sai đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm các quy định về tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không công bố chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn tự nguyện áp dụng trên trang tin điện tử của doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ Internet không thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng;

b) Công bố hoặc tự công bố chất lượng dịch vụ không đúng thời hạn theo quy định;

c) Công bố trên trang tin điện tử của doanh nghiệp hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch không đúng với Bản công bố chất lượng dịch vụ và Danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ trong hồ sơ công bố chất lượng dịch vụ đã gửi cơ quan quản lý nhà nước;

d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ văn bản kết quả giám sát, các số liệu giám sát trong thời hạn hai năm kể từ ngày lập kết quả giám sát;

đ) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ văn bản kết quả kiểm tra, đo kiểm, đánh giá, các số liệu xây dựng kết quả kiểm tra, số liệu đo kiểm, đánh giá ít nhất là hai năm kể từ ngày lập kết quả kiểm tra, số liệu đo kiểm, đánh giá.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không công bố trên trang tin điện tử hoặc không niêm yết tại các điểm giao dịch của doanh nghiệp Bản công bố chất lượng dịch vụ và danh mục các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ của các dịch vụ Internet thuộc danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng;

b) Không thực hiện việc tự kiểm tra hoặc tự giám sát chất lượng dịch vụ theo quy định.

c) Thực hiện việc tự kiểm tra hoặc giám sát chất lượng dịch vụ không đúng với quy định hoặc thực hiện giám sát chất lượng dịch vụ không đúng với yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ban hành quy chế tự kiểm tra hoặc quy chế tự giám sát chất lượng dịch vụ theo quy định;

b) Không thực hiện giám sát chất lượng dịch vụ theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ Internet thuộc Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng nhưng không có Bản tiếp nhận công bố chất lượng dịch vụ của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Không thực hiện lại việc công bố chất lượng dịch vụ Internet khi có sự thay đổi liên quan đến các nội dung đã công bố;

c) Không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc cung cấp không chính xác tài liệu, số liệu cho việc đo kiểm, kiểm tra chất lượng dịch vụ Internet.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ Internet có mức chất lượng thấp hơn mức chất lượng dịch vụ đã công bố hoặc tự công bố.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 17. Vi phạm các quy định về trò chơi trực tuyến (online games)

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Quảng cáo, giới thiệu các trò chơi trực tuyến chưa được phép lưu hành tại Việt Nam;

b) Không xây dựng các quy định quản lý hoạt động trò chơi trực tuyến theo quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến tại Việt Nam;

c) Không cung cấp đầy đủ các thông tin về luật lệ trò chơi và các quy định quản lý hoạt động trò chơi trực tuyến trên trang chủ của trò chơi do doanh nghiệp thiết lập;

d) Vi phạm một trong các điều kiện về cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thông báo bằng văn bản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc không thông báo trên trang chủ của trò chơi trước thời điểm ngừng cung cấp dịch vụ ít nhất ba tháng;

b) Cung cấp trò chơi trực tuyến có nội dung không đúng với quy định tại quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến hoặc làm đại lý cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến tại Việt Nam khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;

b) Để người sử dụng cung cấp các nội dung trong trò chơi và trên diễn đàn của trò chơi những nội dung vi phạm các điều cấm trong Nghị định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

b) Trục xuất người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa bỏ nội dung thông tin điện tử đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều này.

Điều 18. Vi phạm các quy định về trang thông tin điện tử

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định trong giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp;

b) Cung cấp đường dẫn đến trang thông tin điện tử có nội dung vi phạm quy định của pháp luật;

c) Vi phạm một trong các quy định về quản lý thông tin điện tử trên Internet đối với các trang thông tin điện tử không phải xin giấy phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đưa xuất bản phẩm lên trang thông tin điện tử khi không được sự đồng ý của Nhà xuất bản;

b) Cung cấp thông tin trên trang thông tin điện tử tổng hợp không đúng với nội dung thông tin được quy định trong giấy phép.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác về trang thông tin điện tử được áp dụng theo Nghị định của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, báo chí và xuất bản.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 90 ngày đến 180 ngày đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa bỏ nội dung thông tin điện tử trên Internet đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 19. Vi phạm các quy định về cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy chế cung cấp, sử dụng và trao đổi thông tin do doanh nghiệp ban hành.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng quy chế cung cấp, sử dụng và trao đổi thông tin theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp các thông tin liên quan đến người sử dụng dịch vụ theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tuyến khi chưa có thông báo của Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận về việc đã nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ.

5. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện việc ngăn chặn và loại bỏ các nội dung thông tin vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong Nghị định quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc xóa bỏ nội dung thông tin điện tử trên Internet đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.

Điều 20. Vi phạm các quy định về giải quyết tranh chấp, khiếu nại

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không niêm yết công khai quy trình giải quyết khiếu nại liên quan đến dịch vụ Internet tại các điểm giao dịch;

b) Giải quyết khiếu nại liên quan đến dịch vụ Internet không đảm bảo thời gian theo quy định.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không ban hành quy trình giải quyết khiếu nại liên quan đến dịch vụ Internet;

b) Không giải quyết khiếu nại của khách hàng theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không xem xét, giải quyết hoặc không báo cáo kết quả giải quyết khiếu nại theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 21. Vi phạm các quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi chậm báo cáo đến 15 ngày so với quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đầy đủ theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc báo cáo chậm trên 15 ngày so với quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Báo cáo không trung thực theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Hành vi cản trở, chống đối nhân viên, cơ quan nhà nước thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra.

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ các tài liệu, giấy tờ, chứng từ có liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra;

- b) Không khai báo hoặc khai báo không đúng về nội dung liên quan đến việc thanh tra, kiểm tra.
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc thanh tra, kiểm tra của nhân viên, cơ quan nhà nước khi thi hành công vụ.
3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:
- a) Tẩu tán tang vật vi phạm đang bị thanh tra, kiểm tra hoặc tạm giữ;
- b) Tự ý tháo gỡ niêm phong tang vật vi phạm đang bị niêm phong hoặc tạm giữ.
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi trì hoãn, trốn tránh không thi hành các quyết định hành chính về thanh tra và xử lý vi phạm hành chính của người có thẩm quyền.
5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thu hồi tang vật, phương tiện đã bị tẩu tán đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Chương 3.

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 23. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông

1. Thanh tra viên chuyên ngành Thông tin và Truyền thông đang thi hành công vụ có thẩm quyền:
- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a và c khoản 3 Điều 5 Nghị định này;
- đ) Thực hiện các quyền quy định tại điểm 2 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002.
2. Chánh Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 5 Nghị định này;
- e) Thực hiện các quyền quy định tại điểm 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

3. Chánh Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông có thẩm quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép thuộc thẩm quyền;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 3 Điều 5 Nghị định này;
- e) Thực hiện các quyền quy định tại điểm 1 khoản 19 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 24. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành khác.

Trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước được Chính phủ quy định, Thanh tra viên và Chánh Thanh tra các cơ quan thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong việc cung cấp hoặc sử dụng các dịch vụ ứng dụng chuyên ngành trên Internet thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

Điều 25. Thẩm quyền xử phạt của Ủy ban nhân dân các cấp

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các khoản 4, 5 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Điều 30 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã được sửa đổi tại Pháp lệnh sửa đổi một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2007 trong phạm vi địa bàn do mình quản lý đối với các hành vi vi phạm hành chính về Internet được quy định tại Nghị định này.

Điều 26. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường

Cơ quan Công an nhân dân, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Hải quan, cơ quan Thuế, cơ quan Quản lý thị trường có quyền xử phạt theo thẩm quyền quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9, 11 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 và Điều 37 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đối với những hành vi vi phạm hành chính về Internet có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực mình quản lý được quy định tại Nghị định này.

Điều 27. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thì việc xử phạt do người thụ lý đầu tiên thực hiện.
2. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại các Điều 23, 24, 25 và 26 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.
3. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc quy định tại điểm 3 khoản 17 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.

Điều 28. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt

1. Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.
2. Việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2005/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và khoản 27 Điều 1 Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008.
3. Các vụ việc vi phạm hành chính bị xử phạt đều phải lập thành hồ sơ và lưu giữ đầy đủ tại cơ quan xử phạt trong thời hạn pháp luật quy định.

Chương 4.

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính về Internet hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại đối với quyết định xử phạt của người có thẩm quyền. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, cá nhân bị xử phạt vẫn phải thi hành quyết định xử phạt.
2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những vi phạm hành chính về Internet theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
3. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về Internet.
4. Thẩm quyền, thủ tục, trình tự, thời hạn khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 30. Khởi kiện hành chính

Việc khởi kiện ra tòa án đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính được thực hiện theo quy định của pháp luật về thủ tục giải quyết các vụ án hành chính.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về Internet mà sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử phạt hoặc xử phạt không kịp thời, không đúng mức, xử phạt vượt quá thẩm quyền quy định thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Người bị xử phạt vi phạm hành chính về Internet nếu có hành vi cản trở, chống đối người đang thi hành công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương 5.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2009.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b).

Nguyễn Tấn Dũng